

Số: 567/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 5 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-BNN-TY ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 68/TTr-SNN ngày 09 tháng 5 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm Một cửa điện tử.





**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, cập nhật thành phần hồ sơ, trình tự, quy trình thực hiện đối với thủ tục hành chính kèm theo Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đắk Nông; Văn phòng UBND tỉnh niêm yết, công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; UBND các huyện, thành phố niêm yết, công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tại Một cửa điện tử; Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí các lĩnh vực: Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Thú y, Kiểm dịch thực vật thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Viễn Thông Đắk Nông;
- Lưu: VT, TTPVHCC, NC.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Trọng Yên**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG  
QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

**A. DANH MỤC TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Mã số	Tên VBQPPL quy định nội dung thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết TTHC	Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định
1	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	1.002338	Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.	Thú y	Chi cục Phát triển nông nghiệp	Kiểm dịch viên được ủy quyền

(Danh mục có 01 thủ tục hành chính)



## B. NỘI DUNG CHI TIẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Mã TTHC; Tên TTHC được sửa đổi bổ sung	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung	Thành phần hồ sơ; số lượng hồ sơ; Mẫu đơn, tờ khai	Trình tự thực hiện; Thời hạn giải quyết; Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Mã số: 1.002338)	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	<p><b>a. Thành phần hồ sơ:</b> Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024)</p> <p><b>b. Số lượng hồ sơ:</b> Không quy định</p>	<p><b>a) Trình tự thực hiện:</b></p> <p><b>Bước 1:</b> Gửi và tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>* Gửi hồ sơ:</p> <p>- Cá nhân, tổ chức (có nhu cầu) nộp hồ sơ về Tổ chức/ cá nhân nộp hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Nông, số 98 đường 23/3, phường Nghĩa Đức, TP. Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (tầng trệt trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông). Số điện thoại liên hệ: 02613.838838; Email: TTPVHCC.ubnd@daknong.gov.vn)</p> <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).</p> <p>* Tiếp nhận hồ sơ: Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng. Trong thời hạn không quá 01 giờ làm việc, cơ quan HCC:</p> <p>- Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận, sau đó chuyển đến Kiểm dịch viên động vật - Chi cục Phát triển nông nghiệp.</p>	<p>- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;</p> <p>- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.</p>	<p>- Luật Thú y ngày 19/6/2015;</p> <p>- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;</p> <p>- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;</p> <p>- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày</p>	



			<p>- Hồ sơ chưa đúng theo quy định thi hướng dẫn, thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung; hoàn thiện hồ sơ.</p> <p><b>Bước 2: Tiến hành kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch</b></p> <p><i>* Trường hợp 1: 07 giờ làm việc, trong đó:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trung tâm phục vụ Hành chính công: 01 giờ làm việc.</li> <li>+ Kiểm dịch viên động vật (Chi cục Phát triển nông nghiệp): 06 giờ làm việc.</li> </ul> <p><i>* Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:</i> Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;</li> <li>+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;</li> <li>+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch;</li> </ul>	<p>19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.</li> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y</li> </ul>
--	--	--	---	---





				<p>+ Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển. Thực hiện thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ.</p> <p><b>* Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:</b> Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y.</p> <p>+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;</p> <p>+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch;</p>		<p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.</p>
--	--	--	--	--	--	--



				<p>+ Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển.</p> <p>* <i>Trường hợp 2</i>: 40 giờ làm việc, trong đó:</p> <p>+ Trung tâm phục vụ Hành chính công: 01 giờ làm việc.</p> <p>+ Kiểm dịch viên động vật (Chi cục Phát triển nông nghiệp): 39 giờ làm việc.</p> <p>* <i>Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh</i>: Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y.</p> <p>+ Kiểm tra lâm sàng;</p> <p>+ Lấy mẫu xét nghiệm bệnh theo quy định tại Mục I của Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT và Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT): Mẫu xét nghiệm là mẫu gộp từ 05 mẫu đơn thành 01 mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh. Chỉ gộp mẫu đơn cùng loài động vật, cùng lô hàng, cùng một cơ sở chăn nuôi hoặc thu gom, kinh doanh động vật. Trường hợp không thể gộp mẫu để xét nghiệm</p>		
--	--	--	--	--	--	--



			<p>theo mẫu gộp, xét nghiệm các tác nhân gây bệnh theo mẫu đơn;</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;</li><li>+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;</li><li>+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, tiến hành xử lý theo quy định và thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li><li>+ Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển. Thực hiện thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ.</li></ul> <p><b>* Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:</b> Đối với sản phẩm động vật xuất</p>		
--	--	--	---	--	--



			<p>phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểm tra thực trạng hàng hóa; điều kiện bao gói, bảo quản sản phẩm động vật;</li> <li>+ Lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT;</li> <li>+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;</li> <li>+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;</li> <li>+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp sản phẩm động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, tiến hành xử lý theo quy định và thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;</li> <li>+ Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng</li> </ul>		
--	--	--	--	--	--

			<p>hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển.</p> <p><b>b) Thời hạn giải quyết</b></p> <p>- Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT):          Tổng thời gian thực hiện TTHC: 0,875 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch (0,875 ngày làm việc x 08 giờ làm việc = 07 giờ) (cắt giảm 12,5% so với thời hạn quy định là 01 ngày làm việc)</p> <p>- Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Tổng thời gian thực hiện TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch (05 ngày làm việc x 08 giờ làm việc = 40 giờ)</p> <p><b>c) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</b> Không quy định</p> <p><b>d) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:</b></p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12b Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT trong trường hợp Chi cục</p>			
--	--	--	---	--	--	--





			<p>thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;</p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12d Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT trong trường hợp Chi cục thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.</p>			
--	--	--	--	--	--	--

## QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

**I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh:** Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; Mã số: 1.002338

**1. Trường hợp 1:** Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT).

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 0,875 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch (0,875 ngày làm việc x 08 giờ làm việc = 07 giờ) (cắt giảm 12,5% so với thời hạn quy định là 01 ngày làm việc)

Cơ quan	Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
TTPVHCC	Bước 1	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	Công chức, viên chức tiếp nhận và TKQ	1. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu). 2. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu). 3. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu). 4. Chuyển hồ sơ.	01			





Chi cục PTNN	Bước 2	Trạm kiểm dịch	Kiểm dịch viên động vật	<p>Kiểm tra lâm sàng trực tiếp động vật, sản phẩm động vật tại cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nếu động vật đạt điều kiện quy định thì thực hiện niêm phong kẹp chì phương tiện vận chuyển, (bấm tai đánh dấu động vật- nếu có), cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; Chụp hình bản giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật để gửi Email cho Trung tâm PVHCC tỉnh, sau đó đưa bản chính giấy chứng nhận kiểm dịch cho chủ hàng.</li><li>- Nếu động vật không đạt điều kiện quy định thì không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch bệnh động vật, sản phẩm động vật và lập biên bản ghi rõ lý do, đồng thời đề nghị biện pháp xử lý.</li></ul>	06			
TTPVHCC	Bước 3	Bộ phận trả kết quả	Công chức, viên chức tiếp nhận và trả KQ	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông báo cho tổ chức, cá nhân.</li><li>- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</li></ul>	Không tính thời gian			

**2. Trường hợp 2:** Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch (05 ngày làm việc x 08 giờ làm việc = 40 giờ)

Cơ quan	Bước thực hiện	Đơn vị thực hiện	Người thực hiện	Kết quả thực hiện	Thời gian quy định (giờ)	Trước hạn (2đ)	Đúng hạn (1đ)	Quá hạn (0đ)
TTPVHCC	Bước 1	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	Công chức, viên chức tiếp nhận và TKQ	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).</li> <li>2. Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu).</li> <li>3. Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu).</li> <li>4. Chuyển hồ sơ.</li> </ol>	01			
Chi cục PTNN	Bước 2	Trạm kiểm dịch	Kiểm dịch viên động vật	<p>Kiểm tra lâm sàng trực tiếp động vật, sản phẩm động vật tại cơ sở; Lấy mẫu trực tiếp tại cơ sở (Biên bản lấy mẫu). Gửi mẫu đến cơ quan xét nghiệm. Thời gian chờ cơ quan xét nghiệm; Nhận kết quả xét nghiệm: đối chiếu kết quả với quy định tại Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT:</p> <p>+ Nếu kết quả xét nghiệm đạt quy định thì thực hiện niêm phong kẹp chì; cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; Chụp hình bản giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật để gửi Email</p>	39			



				cho Trung tâm PVHCC tỉnh, sau đó đưa bản chính giấy chứng nhận kiểm dịch cho chủ hàng. + Nếu kết quả xét nghiệm không đạt quy định; Kiểm dịch viên động vật soạn Dự thảo văn bản trả lời cho cơ sở (chủ hàng) nêu lý do không cấp giấy chứng nhận kiểm dịch và trình lãnh đạo ký duyệt công văn.				
TTPVHCC	Bước 3	Bộ phận trả kết quả	Công chức, viên chức tiếp nhận và trả KQ	- Thông báo cho tổ chức, cá nhân.	Không tính thời gian			
				- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.				